

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2019/DS-PT

Ngày: 01-4-2019

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cua

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2019/QĐPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1964, cư trú tại: Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977, cư trú tại: Ấp T, xã V2, huyện C, tỉnh Bến Tre (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2018).

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1957, cư trú tại: Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn L, Luật sư của Văn phòng luật sư H1, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn H2, sinh năm 1966, cư trú tại: Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Văn H2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 27/4/2018.

2. Bà Lê Thị Ngọc P, sinh năm 1970, cư trú tại: Ấp Quới An, xã Quới Sơn, huyện C tỉnh Bến Tre.

Bà Lê Thị Ngọc P có yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 05/7/2018.

3. Bà Lê Thị N, sinh năm 1958, cư trú tại: Số nhà D/2, Ấp E, xã K, huyện I, Thành phố O.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N là: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977, cư trú tại: Ấp T, xã V2, huyện C, tỉnh Bến Tre (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 05/3/2018).

4. Trần Nhơn Q, sinh năm 1976, cư trú tại: Số nhà G/6, đường M, Khu phố E2, phường T2, Quận E3, Thành phố O.

5. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1953, cư trú tại: Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông Trần Nhơn Q, bà Lê Thị T2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 10/9/2018 và ngày 12/9/2018).

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Phần đất thuộc thửa 826, 827, tờ bản đồ 2, tọa lạc tại: Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Lê Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc phần đất này do bà H nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị N, trên đất có một căn nhà do bà V xây dựng năm 2001 để sinh sống cùng mẹ ruột là cụ Phạm Thị Đ1. Năm 2017, bà N, bà P, anh Q có về góp một số tiền để tu bổ căn nhà như hiện nay.

Tháng 01/2015, cụ Đ1 chết, bà V vẫn ở tại căn nhà nêu trên, tuy nhiên giữa bà V và bà H có nhiều bất đồng, không thể tiếp tục ở chung. Bà V đồng ý để bà H quản lý nhà nhưng bà yêu cầu bà H hoàn trả cho bà số tiền

216.000.000 đồng, gồm tiền bà V đã bỏ ra xây nhà 80.000.000 đồng, 100.000.000 đồng tiền bà N bỏ ra xây cất nhà và đã đồng ý cho bà V, 36.000.000 đồng tiền công chăm sóc vườn cho bà H từ năm 2009 đến năm 2011. Sau đó, bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà H hoàn trả số tiền 80.000.000 đồng xây cất nhà.

Tại biên bản làm việc ngày 27/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị H trình bày:

Năm 1995, khi bà nhận chuyển nhượng đất thì trên đất đã có một căn nhà tường cấp 4, chiều ngang khoảng 4m, chiều dài khoảng 12m. Trong thời gian ở tại căn nhà trên bà V, bà T2, bà P, cháu Q đã bỏ tiền ra sửa chữa, xây cất lại căn nhà. Do lúc đó, bà H sống ở Thành phố Hồ Chí Minh nên không biết số tiền cụ thể các chị em và cháu Q bỏ tiền ra bao nhiêu. Bà H có nghe nói bà V bỏ ra 80.000.000 đồng. Bà Lê Thị N cũng có bỏ ra một số tiền để sửa chữa nhà. Cụ thể là bà V có bỏ tiền ra xây cất phần nhà trên và một phần nhà sau. Về cây trồng là do bà H trồng. Đối với yêu cầu của bà V thì bà H không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H2 trình bày:

Ông H2 là chồng bà Lê Thị H. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V, ông H2 thống nhất ý kiến của bà H, đồng ý để bà H quyết định. Ông H2 không có tranh chấp gì đối với đất và tài sản trên đất thửa 826, 827 nêu trên. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Nở là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Bà N là em ruột bà Lê Thị H và là chị bà Lê Thị V. Tháng 4/2001, do thấy nhà đã xuống cấp bà V đã bỏ ra 80.000.000 đồng để xây cất lại căn nhà. Năm 2007, bà N đã giao cho bà V 100.000.000 đồng và cùng bà P, cháu Q góp tiền tu bổ nhà như hiện nay. Đối với số tiền 100.000.000 đồng bà N bỏ ra xây cất tu bổ vào căn nhà, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc P trình bày:

Căn nhà trên phần đất nêu trên được các chị em của bà P gồm bà T2, bà N, bà V, cháu Q cùng góp tiền nhau xây cất cho mẹ ruột là cụ Đ1 ở trước đây. Nhà xây cách đây khoảng 10 năm là nhà cấp 4, lợp tole nền lót gạch men, được xây, sửa chữa nhiều lần. Cụ thể số tiền mỗi người bỏ ra bao nhiêu, bà P không rõ. Phần tiền bà P đóng góp bao nhiêu bà P cũng không nhớ. Bà P không có tranh chấp, không có yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền bà P đã góp xây cất nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Nhơn Q trình bày:

Năm 2007, anh Q có đưa cho bà Lê Thị N 20.000.000 đồng để bà N tu bổ thêm vào căn nhà bà Lê Thị V, cụ Phạm Thị Đ1 đang ở tại xã S. Do anh Q không ở trong căn nhà nêu trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền anh Q đã bỏ ra để tu bổ xây cất căn nhà. Anh Q cũng không có tranh chấp gì đối với phần đất, nhà hiện bà Lê Thị H đang quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T2 trình bày:

Bà T2 không tham gia vào việc xây cất, tu bổ nhà cũng như việc sang nhượng đất giữa bà N và bà H. Bà T2 không có tranh chấp gì đối với phần đất và nhà hiện bà Lê Thị H đang đứng tên. Bà T2 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định như sau:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Lê Thị V về việc yêu cầu bà Lê Thị H có trách nhiệm hoàn trả số tiền mà bà N bỏ ra xây cất nhà và đã đồng ý cho bà V cùng tiền công chăm sóc vườn của bà V từ năm 2009 đến năm 2011.

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị V về việc yêu cầu bà Lê Thị H có trách nhiệm hoàn trả số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) mà V bỏ ra xây cất nhà trên thửa đất số 826, 827, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại: Xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ghi nhận việc bà Lê Thị V không yêu cầu ông Lê Văn H2 là chồng bà Lê Thị H có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả cho bà V số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Ghi nhận việc ông Lê Văn H2, bà Lê Thị N, bà Lê Thị T2, bà Lê Thị Ngọc P, anh Trần Nhơn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với đất và tài sản trên đất thửa 826, 827 nêu trên.

Ghi nhận việc bà Lê Thị N, bà Lê Thị T2, bà Lê Thị Ngọc P, anh Trần Nhơn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền đã bỏ ra để đóng góp xây cất căn nhà trên thửa đất 826, 827 nêu trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/12/2018, bị đơn bà Lê Thị H kháng cáo yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn nhà trên thửa đất 826, 827, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại: Ấp A, xã S, huyện C tỉnh Bến Tre. Nguyên đơn cho rằng căn nhà này bà đóng góp xây dựng 80.000.000 đồng trong khi bị đơn cho rằng căn nhà này được nhiều chị em đóng góp xây dựng để làm nơi ở cho cụ Đ1 khi còn còn sống.

[2] Tại Biên bản làm việc ngày 27/4/2018, bà Lê Thị H trình bày chỉ đồng ý bồi hoàn cho bà V phần tiền đã đóng góp để tu sửa căn nhà. Qua xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm đối với bà N, bà P, anh Q thì bà V có đóng góp tiền để xây dựng tu bổ căn nhà tranh chấp và bà H cũng trình bày có nghe các chị em nói bà V đóng góp 80.000.000 đồng, khi đó bà H cũng không có ý kiến gì, theo Biên bản định giá ngày 18/5/2018 thì căn nhà tranh chấp có giá trị còn lại là 278.800.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí đo đạc định giá, trích lục hồ sơ: Bà Lê Thị V tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bà Lê Thị H phải chịu là 4.000.000 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Lê Thị V số tiền 5.400.000 đồng theo hai biên lai số 0013372 và 0013373 ngày 08/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị H phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020598 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các 210, 212, 217, 218, 468, 579 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Lê Thị V về việc yêu cầu bà Lê Thị H có trách nhiệm hoàn trả số tiền mà bà Lê Thị N bỏ ra xây cất nhà và đã đồng ý cho bà Lê Thị V cùng tiền công chăm sóc vườn của bà Lê Thị V từ năm 2009 đến năm 2011.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V về tranh chấp đòi tài sản đối với bà Lê Thị H.

Buộc bà Lê Thị H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị V số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bù khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận việc bà Lê Thị V không yêu cầu ông Lê Văn H2 là chồng bà Lê Thị H có trách nhiệm liên đới cùng thực hiện nghĩa vụ.

Ghi nhận việc ông Lê Văn H2, bà Lê Thị N, bà Lê Thị T2, bà Lê Thị Ngọc P, anh Trần Nhơn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với đất và tài sản trên đất thuộc thửa 826, 827 nêu trên.

Ghi nhận việc bà Lê Thị N, bà Lê Thị T2, bà Lê Thị Ngọc P, anh Trần Nhơn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền đã đóng góp xây cất căn nhà trên thửa đất 826, 827 nêu trên.

Về chi phí đo đạc định giá, trích lục hồ sơ: Bà Lê Thị V tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Lê Thị V số tiền 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) theo hai biên lai số 0013372 và 0013373 ngày 08/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020598 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

